

Bản án số: 277/2026/HNGĐ - ST.

Ngày: 23 – 7 – 2026.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Tâm;

2. Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hoàng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 368/2026/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2026, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 632/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Châu Thị Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp Đ, xã L, thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094181012510; ngày cấp: 23/02/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Tăng Ngọc Đ1, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp Đ, xã L, thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094078007518 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Châu Thị Đ trình bày:

Vào năm 2012, bà Châu Thị Đ và ông Tăng Ngọc Đ1 tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục để chung sống với nhau, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Cần Thơ, đăng ký vào ngày 10/8/2012. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà có 02 người con chung là Tăng Ngọc Đ2, sinh ngày 05/02/2007 và Tăng Thị Ngọc H, sinh ngày 02/4/2005, hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 01/6/2026, bà Châu Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với ông Tăng Ngọc Đ1; về con chung do các người con đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Tăng Ngọc Đ1:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Đ1, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ1 để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ1 để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

- + Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Châu Thị Đ.
- + Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Châu Thị Đ xác định trong thời gian chung sống ông, bà có 02 người con chung là Tăng Ngọc Đ2, sinh ngày 05/02/2007 và Tăng Thị Ngọc H, sinh ngày 02/4/2005, hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.
- + Về tài sản chung: Bà Châu Thị Đ xác định trong thời gian chung sống bà và ông Tăng Ngọc Đ1 không có tài sản chung, bà không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.
- + Về nợ chung: Bà Châu Thị Đ xác định trong thời gian chung sống bà và ông Tăng Ngọc Đ1 không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tăng Ngọc Đ1 từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Đ1 nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ1 để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Châu Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Tăng Ngọc Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đ và ông Đ1.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Châu Thị Đ xác định bà và ông Tăng Ngọc Đ1 chung sống như vợ chồng từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Cần Thơ, đăng ký vào ngày 04/8/2020. Hôn nhân của bà Châu Thị Đ và ông Tăng Ngọc Đ1 tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Châu Thị Đ và ông Tăng Ngọc Đ1 là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Đ1 với lý do trong quá trình chung sống được một thời gian ngắn sau khi kết hôn thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Từ khi bà Đ chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Tăng Ngọc Đ1, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Đ1 biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Châu Thị Đ và ông Tăng Ngọc Đ1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn với ông Đ1.

[3]. Về con chung: Bà Châu Thị Đ xác định trong thời gian chung sống ông, bà có Tăng Ngọc Đ2, sinh ngày 05/02/2007 và Tăng Thị Ngọc H, sinh ngày 02/4/2005, hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Châu Thị Đ xác định bà và ông Tăng Ngọc Đ1 không có tài sản chung, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Châu Thị Đ xác định bà và ông Tăng Ngọc Đ1 không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Bà Châu Thị Đ phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Tăng Ngọc Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Châu Thị Đ được ly hôn với ông Tăng Ngọc Đ1.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007619 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự, thành phố Cần Thơ. Như vậy, bà Châu Thị Đ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Tăng Ngọc Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ (PGĐ, KT, TT và THA);
- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- Cơ quan THADS Thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Liêu Tú, Tp Cần Thơ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo